

QUAN HỆ HỢP TÁC KINH TẾ - THƯƠNG MẠI XÔ – NHẬT TRONG THỜI KỲ CẢI TỔ (1985-1991)

TS. Nguyễn Hồng Vân

Viện Sử học

I. SƠ LƯỢC VỀ QUAN HỆ XÔ – NHẬT TRƯỚC NĂM 1985

Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ Hai đã trở thành đồng minh hết sức gần gũi của Hoa Kỳ. Liên minh này dựa trên *Hiệp ước Nhật – Mỹ về hợp tác và an ninh*, ký kết năm 1951 ở San - Francisco. Theo Hiệp ước này, Hoa Kỳ có quyền “bố trí các căn cứ quân sự mặt đất, không quân và hải quân trên phạm vi lãnh thổ và ở gần Nhật Bản” những cơ sở “có thể được sử dụng” nhằm “gìn giữ hòa bình quốc tế và bảo đảm an ninh ở Viễn Đông” đồng thời để “đàn áp các cuộc nổi loạn và giữ gìn an ninh ở Nhật Bản”¹. Đến đầu những năm 70 của thế kỷ XX, tiềm năng kinh tế đã cho phép Nhật Bản bước lên vị trí thứ hai (sau Mỹ) về tổng sản phẩm quốc nội. Nhật Bản cũng chiếm vị trí thứ hai về sản lượng công nghiệp, vượt qua cả các nước Tây Âu.

Trước năm 1985, trong quan hệ Xô – Nhật luôn tồn tại những điều nghi kỵ, thiếu tin tưởng lẫn nhau và hết sức thận trọng. Giới lãnh đạo của cả hai nước đều nhìn nhau qua lăng kính “kẻ thù”. Cản trở chính trong

việc cải thiện quan hệ với Nhật Bản và việc Liên Xô không tiếp cận được với các công nghệ tiên tiến của Nhật Bản là vấn đề “lãnh thổ phía bắc”². Liên tục trong mấy thập kỷ, nhà cầm quyền Nhật Bản kiên định đòi Liên Xô phải trả lại cho họ các đảo thuộc quần đảo Kuril (Habomai, Shikotan, Kunashiri và Etorofu), được gọi ở Nhật Bản là vùng “lãnh thổ phía Bắc”.

Theo quan điểm của giới chức Nhật Bản, Liên Xô đã “xâm chiếm trái phép” 4 hòn đảo nói trên từ năm 1945. Trước khi Liên Xô trao trả hoặc đưa ra lời cam kết chắc chắn sẽ trả lại vùng lãnh thổ nói trên, Nhật Bản từ chối ký Hiệp định Hòa bình với Moscow cũng như dành cho Liên Xô những điều khoản ưu đãi trong lĩnh vực buôn bán,

² Thể hiện trong các công trình: Апрешидзе Л., Крупянко М. И. *Старые и новые факты о “Курильской проблеме” в российско-японских отношениях* // Восток. 2002. № 5. С. 84-88; Гайдар В. *Проблема Курильских островов: международно-правовой аспект* // МЭИМО. 1992. № 4. С. 112-115; Галузин М. *Наши дела с Японией* // Международная жизнь. 2000. № 3. С. 89-100; его же: *Размеренная поступь в отношениях с Японией* // Международная жизнь. 2000. № 10. С. 73-79; Русские Курилы: история и современность. М., 2002. С. 17-26; Латышев И. *Госдума ставит точку в территориальном споре?* // Азия и Африка сегодня. 2002. № 7. С. 40-42...

¹ Цит. по: Кутаков Л. Н. *Москва – Токио: очерки дипломатических отношений, 1956-1986*. С. 10.

tài chính và các quan hệ khác thuộc lĩnh vực kinh tế.

Đối với Nhật Bản, việc lấy lại các "lãnh thổ phía Bắc" có ý nghĩa quan trọng trong việc củng cố an ninh đất nước. Còn đối với Liên Xô, việc chuyển giao các "lãnh thổ phía Bắc" cho Nhật Bản sẽ gây hại nghiêm trọng cho vị thế chiến lược của Liên Xô ở Thái Bình Dương. Suốt một thời gian dài, Liên Xô kiên quyết phản bác lại những yêu sách của phía Nhật Bản, coi đó là những lập luận vô căn cứ. Liên Xô phủ nhận ngay cả sự tồn tại của vấn đề "lãnh thổ phía Bắc"

Cho đến khi Liên Xô tiến hành cải tổ, Hiệp định Hòa bình giữa Liên Xô và Nhật Bản vẫn chưa được ký kết. Nguyên nhân của sự việc này, theo phía Liên Xô, liên quan đến việc ký lại Hiệp ước An ninh Nhật - Mỹ năm 1960, cho phép quân đội Mỹ có mặt lâu dài trên lãnh thổ Nhật Bản. Hành động này của phía Nhật Bản bị Liên Xô coi như biểu hiện của chính sách thân Mỹ của giới cầm quyền Nhật Bản, làm xấu đi mối quan hệ Xô - Nhật, có nghĩa là đi ngược lại tinh thần và nội dung của Tuyên ngôn chung giữa Liên Xô và Nhật Bản ký kết năm 1956³

³ Подробно см.: Зайцев В., Славинский Б. *Россия и Япония: 40-летие восстановления дипломатических отношений* // МЭИМО. 1996. №10. С. 102-103; *Русские Курилы: история и современность*. С. 130-136; Кутаков Л. Н. *К истории дипломатических отношений между СССР и Японией* // Вопросы истории. 1985. № 12. С. 70-71; Его же: *Москва – Токио: очерки дипломатических отношений (1956-1986)*. С. 66-69; Латышев И. *Госдума ставит точку в территориальном споре?* // Азия и Африка сегодня. 2002. № 7. С. 40-42; Тихвинский С. Л. *К истории восстановления послевоенных советско-*

Từ đó cho đến giữa những năm 80, trên báo chí Xô viết, trong các văn kiện Đảng và các bài phát biểu của Ban Lãnh đạo Nhà nước, Liên Xô coi Nhật Bản là một nhà nước thù địch với chính sách quân phiệt công khai⁴. Phía Liên Xô một mực khẳng định: không tồn tại bất cứ vấn đề nào về tranh chấp lãnh thổ giữa Liên Xô và Nhật Bản. Ngược lại, từ năm 1982, Nhật Bản hàng năm đã lấy ngày 7-2 làm Ngày "các hòn đảo phía Bắc"

Tình hình thế giới không ổn định vào cuối những năm 1970 – đầu những năm 1980 đã ảnh hưởng tiêu cực lên quan hệ Xô - Nhật. Việc Liên Xô đưa quân đội vào Afghanistan gây ra làn sóng bất bình trên toàn thế giới, trong đó có Nhật Bản. Phong trào đấu tranh đòi hoàn trả "lãnh thổ phía Bắc" tăng mạnh, các quan hệ kinh tế, khoa học kỹ thuật và văn hóa giữa hai nước cũng bị ngưng trệ. Do vậy, đến năm 1991, chưa có ai trong ban lãnh đạo Xô viết sang thăm Nhật Bản và ngược lại.

Tuy nhiên, sự thay đổi trong quan hệ Xô - Mỹ bắt đầu diễn ra từ nửa sau của thập niên 80 không thể không tác động tới sự thay đổi trong quan hệ Xô - Nhật. Cùng với quá trình cải tổ, tại Liên Xô bắt đầu có sự nhìn nhận lại chiến lược ngoại giao và quân sự trong quan hệ với Nhật Bản. Đúng 30 năm kể từ khi khôi phục quan hệ ngoại giao giữa hai

японских отношений // Вопросы истории. 1990. № 9. С. 25-26; Правда. 1960. 29 января и др.

⁴ Напр.: Алиев Р. *Место Японии в политике нашей страны* // МЭИМО. 1992. № 1. С. 121; *Русские Курилы: история и современность*. С. 145-146 и др.

nước, M. Gorbachov trong bài phát biểu tại Vladivostok đã nêu ra những luận điểm mới trong quan hệ với Nhật Bản cũng như đối với cả khu vực châu Á nói chung⁵

Việc xem xét lại quan điểm của Liên Xô đối với liên minh quân sự – chính trị Nhật Bản và Mỹ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Tháng 12-1988, trong chuyến thăm Nhật Bản của mình, E. A. Sevardnadze đã nhấn mạnh rằng: Liên Xô sẽ sẵn sàng ký Hiệp định Hòa bình với Nhật Bản bất chấp sự tồn tại của *Hiệp ước An ninh Nhật – Mỹ*. Sau này, phía Liên Xô công nhận tính chất đặc biệt của quan hệ Nhật – Mỹ và cho rằng các quan hệ bền chặt của Nhật Bản và Hoa Kỳ, không nhằm chống lại các nước thứ ba, là nhân tố ổn định cả trong khu vực cũng như trên toàn cầu⁶

Tháng 4-1991, M. Gorbachov sang thăm Nhật Bản – cuộc viếng thăm đầu tiên của người đứng đầu nhà nước Liên Xô trong suốt cả lịch sử quan hệ giữa hai nước. Liên quan đến những vấn đề còn tồn tại trong quan hệ Xô-Nhật thời kỳ hậu chiến, M. Gorbachov tuyên bố về sự cần thiết giải quyết “vấn đề biên giới lãnh thổ”, một vấn

đề đã không được bất kỳ lãnh tụ Xô viết tiền nhiệm nào công bố công khai. Với sự công nhận vấn đề “lãnh thổ phía Bắc” M. Gorbachov đã “tạo ra bước ngoặt trong quan hệ với Nhật Bản”

II. QUAN HỆ HỢP TÁC KINH TẾ THƯƠNG MẠI XÔ - NHẬT (1985-1991)

Đối thoại chính trị tạo cơ sở cho sự phát triển các quan hệ kinh tế Xô – Nhật trong những năm 1985-1991. Liên Xô và Nhật Bản đều cố gắng thiết lập mối quan hệ ổn định trong lĩnh vực kinh tế - thương mại. Đối với Liên Xô, thị trường Nhật Bản trước hết là những sản phẩm phức tạp và hiện đại về kỹ thuật nhưng lại chất lượng và rẻ hơn so với các nước công nghiệp phát triển khác, là các khoản vay ưu đãi, hợp tác trong việc phát triển các vùng phía Đông. Một điểm quan trọng khác là ước muốn của phía Liên Xô sử dụng các quan hệ kinh tế nhằm cải thiện quan hệ chính trị song phương, đồng thời giúp ổn định tình hình ở Châu Á – Thái Bình Dương, nơi Nhật Bản có ưu thế hàng đầu của một cường quốc kinh tế.

Đối với Nhật Bản, quan hệ kinh tế với các đối tác Xô viết – đó là xuất khẩu thành phẩm công nghiệp, tiếp cận các thành tựu khoa học – kỹ thuật của Liên Xô trong lĩnh vực tiên bộ khoa học - kỹ thuật mới nhất trong các khoa học cơ bản và sử dụng thương mại vào các mục đích chính trị như một bàn đạp bổ sung nhằm gây áp lực với Liên Xô để đạt được những mục đích chính trị cụ thể. Mối quan tâm hai chiều của các đối tác trong phát triển thương mại trên thực tế làm cho luân chuyển hàng hóa giữa hai

⁵ Хет: Подробно см.: Горбачев М. С. Речь на торжественном собрании, посвященном вручению Владивостоку ордена Ленина, 28 июля 1986 года // За новое политическое мышление в международных отношениях. С. 322-323; Речь М. С. Горбачёва в Красноярске 16.09.1988 г. // М. С. Горбачев. Избранные речи и статьи. Т. 6. М., 1989. С. 550-558; Горбачев М. С. Ответы на вопросы газеты “Мердека” 21 июля 1987 года // За новое политическое мышление в международных отношениях. С. 553-558.

⁶ Зайцев В., Славинский Б. Россия и Япония: 40-летие восстановления дипломатических отношений // МЭМО. 1996. № 10. С. 106.

nước sau 3 thập niên (1960-1988) tăng từ 147 triệu lên 5,9 tỷ USD, tức là tăng hơn 40 lần⁷

Cột mốc quan trọng trong việc phát triển quan hệ cùng có lợi giữa Liên Xô và Nhật Bản trong sử dụng nguồn tài nguyên biển là việc ký Hiệp ước về Quan hệ lẫn nhau trong lĩnh vực nghề Cá ven biển hai nước và về Hợp tác trong lĩnh vực Thủy sản (tháng 5-1985). Tháng 12-1985, tại Tokyo đã ký Hiệp định chung về Chuyển giao công nghệ tằm lợp từ Liên Xô sang Nhật Bản và chuyển từ Nhật Bản vào Liên Xô những nguyên liệu cần thiết cho sản xuất thiết bị, máy móc và các bộ phận thay thế. Đã ký thỏa thuận 5 năm về thương mại và thanh toán. Trong chuyến thăm Nhật Bản của E. A. Sevardenadze (tháng 1-1986) hai bên đã ký *Thỏa thuận về Luân chuyển hàng hóa và thanh toán* giữa Liên Xô và Nhật Bản giai đoạn 1986-1990 và *Công ước về tránh đánh thuế hai lần* trong vấn đề thuế thu nhập.

Năm 1986 đã đạt được thỏa thuận về việc thành lập tiểu ban Xô-Nhật về hợp tác khoa học - kỹ thuật. Như vậy, trên thực tế đã khôi phục hoạt động của Hiệp ước liên chính phủ Xô-Nhật về hợp tác khoa học kỹ thuật, lĩnh vực mà trong một thời gian dài do lỗi của phía Nhật Bản đã ở trong tình trạng “bị đóng băng”⁸

Kết quả các cuộc tham vấn liên chính phủ về các vấn đề kinh tế ở cấp độ Thứ trưởng và các cuộc họp chung của các Ủy

ban Xô-Nhật và Nhật-Xô về hợp tác kinh tế được hai bên đánh giá cao trong *Tuyên bố chung Xô-Nhật* trong chuyến thăm Moscow của Bộ trưởng Ngoại giao Nhật Bản Shintaro Abe tháng 5-1986, thể hiện mong muốn của hai bên tăng cường và mở rộng quan hệ kinh tế thương mại trên cơ sở cùng có lợi, trong đó có việc đẩy mạnh sức lực nhằm tìm kiếm các hình thức hợp tác mới theo thỏa thuận tại cuộc họp các Ủy ban Hợp tác kinh tế⁹

Thương mại là lĩnh vực chủ yếu trong các quan hệ ngoại thương giữa Liên Xô và Nhật Bản. Năm 1985, sản lượng thương mại Xô-Nhật đạt 4,1 tỷ USD, tăng 6,8% so với năm trước. Xu hướng phục hồi đối thoại Xô-Nhật vào giữa những năm 80 không đạt kết quả khả quan trong năm 1987. Kết quả là luân chuyển hàng hóa giữa Liên Xô và Nhật Bản năm 1987 hơi giảm sút, đạt 2.600,7 triệu rúp (năm 1986 là 3.185,3 triệu rúp¹⁰). Năm 1988 có sự sôi động trong hoạt động thương mại giữa hai nước, luân chuyển hàng hóa đạt 3.135,1 triệu rúp¹¹ Năm 1989 đánh dấu bước ngoặt trong quan hệ thương mại giữa hai nước: luân chuyển hàng hóa đạt 6,1 tỷ USD¹² Năm 1990 – giảm xuống còn 5,9 tỷ USD.

Trong những năm 80, mô hình thương mại cũ: nguyên liệu thô của Liên Xô đổi lấy sản phẩm công nghiệp thành phẩm Nhật Bản không còn tồn tại. *Thứ nhất*, bởi vì phía Xô viết gặp phải khó khăn trong việc mở rộng

⁹ Правда. 1986. 02 июня.

¹⁰ Международный ежегодник. 1988. С. 196-197.

¹¹ Международный ежегодник. 1988. С. 199.

¹² Зайцев В., sdd, МЭИМО. 1996. № 10. С. 108.

⁷ Крупянко М. И. Япония в системе Восток-Запад: экономика, политика. С. 165.

⁸ СССР и Япония. М., 1987. С. 397.

xuất khẩu nguyên liệu thô; *Thứ hai*, trong điều kiện Nhật Bản cải tổ nền kinh tế dựa trên công nghệ tiết kiệm nhiên liệu và tiết kiệm vật liệu thì nhu cầu mua nguyên liệu thô và đa dạng hóa các nguồn của nó cũng giảm sút; *Thứ ba*, với sự sụt giảm của giá dầu và các dạng năng lượng khác, thu nhập ngoại hối của Liên Xô từ bán hàng ở thị trường nước ngoài đã giảm rõ rệt so với giai đoạn những năm 70, trong khi việc xuất khẩu nhóm các thành phẩm công nghiệp trên cơ sở cạnh tranh đối với Liên Xô là điều không thể; và *Cuối cùng*, Liên Xô bắt đầu gặp phải sự cạnh tranh ngày càng tăng từ phía Trung Quốc vào thị trường Nhật Bản với sự áp đảo của nhóm hàng hóa nguyên liệu thô trong cơ cấu xuất khẩu của Trung Quốc, trong khi Nhật Bản lại hỗ trợ các "quan hệ đặc biệt, hữu nghị" dành cho Trung Quốc những lợi thế thương mại với tư cách là một đối tác đặc quyền. Như vậy, đối với cả Liên Xô và Nhật Bản đều rõ ràng một điều: Cần phải xem xét lại học thuyết cơ bản của của thương mại và quan hệ kinh tế, cần những ý tưởng mới, động lực mới cho việc phát triển trong tương lai.

III. NHỮNG TRỞ NGẠI CHÍNH TRONG HỢP TÁC KINH TẾ-THƯƠNG MẠI

Vào cuối những năm 80 của thế kỷ 20 vẫn chưa có sự tăng trưởng đầu tư của Nhật Bản vào Liên Xô, kể cả ở Siberia và vùng Viễn Đông. Tuy ở các khu vực này đã xuất hiện hàng chục nhà máy liên doanh Xô-Nhật không lớn lắm, nhưng hoạt động diễn ra

không trơn tru và không là điển hình đặc biệt hấp dẫn để cho các công ty khác của Nhật Bản làm theo. Đến năm 1989, có 20 nhà máy liên doanh Xô-Nhật được đăng ký (sản xuất gỗ xẻ, xây dựng và đưa vào hoạt động các cơ sở thể thao và giải trí, chế biến cá, tái sản xuất cá hồi...). Đến cuối năm 1989, có 3 cơ sở hợp tác kinh tế đang trong giai đoạn thực hiện, đó là phát triển mỏ than lưu vực Nam Yakutia, thăm dò dầu khí và khí gas ngoài thềm lục địa Sakhalin và Hiệp định chung thứ hai về tầm lợp.

Những nguyên nhân cản trở đầu tư của Nhật Bản vào nền kinh tế Xô viết, ngoài sự thiếu ổn định của nền kinh tế và tình hình chính trị Liên Xô còn do những nhân tố tiêu cực khác như: sự kém phát triển của hạ tầng các vùng phía đông Liên Xô, rối loạn trong các luật về xác định quyền của các doanh nghiệp nước ngoài hoạt động trong lãnh thổ Liên Xô cũng như sự suy yếu của chính quyền trung ương trong quá trình cải tổ làm phát sinh sự tùy tiện và chuyên chế của chính quyền địa phương¹³...

Nhiều vấn đề còn tồn tại trong lĩnh vực quan trọng của quan hệ kinh tế song phương và thương mại như việc buôn bán ven biển. Trong suốt những năm 60-70, buôn bán ven biển đóng vai trò như một "đầu máy" cho quan hệ thương mại giữa hai nước, đạt tốc độ tăng trưởng cao. Tuy nhiên, từ những năm 80, tăng trưởng của nó đã bị ngưng trệ. Lý do chính là cơ cấu xuất khẩu của Liên Xô không thay đổi trong những thập kỷ qua.

¹³ *Правда*. 1991. 21 августа.

Ngoài ra, giá xuất khẩu của Liên Xô cao hơn mức bình thường trong thương mại là nhân tố tiêu cực làm cho các công ty Nhật nhỏ và vừa, các đối tác quan trọng trong thương mại ven biển hoạt động không kinh tế. Các cơ chế cũ của hợp tác kinh tế và thương mại Xô-Nhật rõ ràng đã lỗi thời, đòi hỏi sự cần thiết phải tái cơ cấu nó.

Bên cạnh đó, trong quan hệ kinh tế Xô-Nhật còn có những vấn đề nghiêm trọng phát sinh, một mặt, do sự phân biệt đối xử của Nhật Bản, mặt khác - do sự mất cân bằng của thương mại, định hướng hàng hóa, xuất khẩu của Liên Xô. Tốc độ và nhịp độ hoạt động của các liên doanh, đặc biệt ở vùng Viễn Đông đã tụt lại đáng kể so với xu hướng chung.

Nhưng những trở ngại cho sự phát triển hợp tác kinh tế Xô-Nhật tồn tại không chỉ ở Liên Xô. Giới cầm quyền Mỹ trong thời gian này lo ngại sự gần gũi trong quan hệ Nhật-Xô và sự giảm sút quyền kiểm soát của Mỹ đối với Nhật Bản. Tháng 6-1987, CIA của Hoa Kỳ đã cảnh báo chính phủ và các cơ quan cảnh sát Nhật Bản bằng các thông tin rằng: dường như tập đoàn sản xuất máy móc Nhật Bản "Toshiba" đã bí mật cung cấp cho Liên Xô một số "hàng hóa chiến lược" bị cấm xuất khẩu sang các nước xã hội chủ nghĩa. Các cáo buộc tương tự cũng được đưa ra chống lại một tập đoàn thương mại lớn là "Itoty" – một trung gian trong hàng loạt giao dịch thương mại Nhật-Xô. Trên cơ sở đó, các nhà chức trách Nhật Bản đã tiến hành một cuộc đột kích của cảnh sát đến các tập

đoàn này và báo chí bắt đầu bôi nhọ họ. Sau đó Bộ Ngoại thương và Công nghiệp Nhật Bản chính thức xử lý các vụ việc. Họ đã cấm "Toshiba" trong một năm và công ty "Itoty" trong vòng ba tháng không được có bất kỳ giao dịch thương mại nào với Liên Xô. Sự cường điệu vô căn cứ về "những điệp viên của Liên Xô" sau đó còn tồn tại trên báo chí và trong giới chính trị Nhật Bản trong vài tuần.

Tuy nhiên, điều cốt yếu nhất đối với Liên Xô trong lĩnh vực kinh tế thương mại là những khó khăn tiềm ẩn từ năm này sang năm khác, gây ảnh hưởng đến việc chuyển giao các công nghệ và thiết bị mới nhất vào Liên Xô¹⁴. Trong những năm cải tổ, việc hạn chế xuất khẩu sang Liên Xô các sản phẩm công nghệ cao và công nghệ tiên tiến, hiện đại vẫn tiếp diễn. Động cơ chính ở đây là đảm bảo những lợi ích của việc tăng cường "an toàn công nghệ" của chính Nhật Bản, không muốn có thêm một đối thủ tiềm năng trong lĩnh vực công nghệ quân sự hiện đại mà theo Nhật Bản, Liên Xô được coi là một địch thủ công nghệ đáng gờm.

Theo đánh giá của các chuyên gia Nhật Bản, tại Liên Xô có hơn 3.200 trung tâm nghiên cứu khoa học chuyên ngành và trung tâm kỹ thuật, sử dụng hơn 1 triệu nhà khoa học và kỹ sư trong việc phát triển các hệ thống vũ khí mới¹⁵. Do đó, Nhật Bản rất quan tâm trong việc làm rò rỉ thông tin từ các

¹⁴ История международных отношений и внешней политики СССР. Т. 3. С. 248.

¹⁵ Круппяно М. И. Япония в системе Восток-Запад: экономика, политика. С. 154.

đột phá công nghệ trong lĩnh vực vũ khí sáng tạo và hiệu quả hệ thống của Liên Xô.

Trên thực tế, "sự hạn chế công nghệ" của Liên Xô tại Nhật Bản là một hệ thống các biện pháp để ngăn chặn sự rò rỉ thông tin chiến lược. Chẳng hạn, trong nửa cuối những năm 80, Nhật Bản đã ban hành những quy định mới cho việc đi du lịch đến Liên Xô đối với đại diện các tập đoàn, công ty làm việc trong các lĩnh vực như nghiên cứu hàng không vũ trụ, công nghệ laser, công nghệ sản xuất tàu ngầm, tên lửa nhiên liệu...

Để nâng cao hiệu quả của hệ thống kiểm soát việc xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao sang Liên Xô, phía Nhật Bản đã áp dụng các biện pháp trách nhiệm hình sự cho người đứng đầu công ty Nhật Bản vi phạm quy định của COCOM (Ủy ban Phối hợp về Xuất khẩu hàng hóa chiến lược vào các nước XHCN). Ngày 26-8-1987, Quốc hội Nhật Bản phê duyệt sửa đổi Luật Thương mại, theo đó người phạm tội sẽ bị truy tố trách nhiệm hình sự.

Sự "hạn chế công nghệ" không thể không ảnh hưởng đến sự phát triển của quan hệ kinh tế và thương mại Liên Xô-Nhật Bản. Còn tại Liên Xô, một chế độ nghiêm ngặt hơn được áp dụng đối với các chuyên gia lập trình và lắp đặt thiết bị hiện đại nhằm hạn chế sự tiếp xúc trực tiếp của các chuyên gia Nhật Bản với đại diện các tổ chức của Liên Xô.

Như vậy, trong thời kỳ cải tổ, Liên Xô tuyên bố và tiến hành đường lối đối ngoại

mới nhằm mở rộng sự hợp tác cùng có lợi với Nhật Bản, bao gồm cả việc tận dụng thế mạnh về kinh tế của Nhật Bản. Đối thoại chính trị tạo cơ sở cho sự phát triển các quan hệ kinh tế. Nhật Bản chiếm vị trí quan trọng trong 10 đối tác kinh doanh hàng đầu của Liên Xô trong số các nước phát triển trên thế giới. Tuy nhiên, quan hệ kinh tế thương mại Xô-Nhật chưa tương xứng với tiềm năng của hai nước và còn xa so với các cơ hội hiện có. Hầu như chưa khai thác được các nhân tố thuận lợi, quan trọng, bổ sung cho nền kinh tế như sự gần gũi về địa lý giữa hai nước, tiềm năng trí tuệ và khoa học cao của họ, bầu không khí chính trị thuận lợi đáng lẽ ra có thể giúp tăng cường và đẩy mạnh hợp tác giữa Liên Xô và Nhật Bản.

Có thể nêu ra nhiều nguyên nhân của hiện tượng trên đây, trong đó có các điều kiện thị trường không thuận lợi trong những năm tồn tại cuối cùng của Liên Xô ở cả hai nước, hậu quả của việc chuyển nhượng những năm 80 và không kém phần quan trọng là kiến thức hiểu biết lẫn nhau về khả năng của đối tác của các doanh nghiệp của Liên Xô và Nhật Bản còn nghèo nàn, thiếu thông tin cần thiết. Dù sao thì những thành tựu đạt được trong hợp tác kinh tế thương mại Xô-Nhật thời kỳ cải tổ cũng có vai trò và những đóng góp nhất định cho việc bước đầu cải thiện hoạt động kinh tế - thương mại giữa hai nước, đặt nền móng cho những bước phát triển tiếp theo trong quan hệ kinh tế - thương mại LB Nga – Nhật Bản sau này./.